

Biểu số 05

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024 HUYỆN CHIÊM HOÁ
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2024 của UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	2	3	(4)=(5)+(6)	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG	31	37,34		37,34		
A	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN TRONG KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP TỈNH						
B	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CÒN LẠI	31	37,34		37,34		
I	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT	8	2,96		2,96		
I.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT VÀO MỤC ĐÍCH AN NINH, QUỐC PHÒNG THEO QUY ĐỊNH TẠI ĐIỀU 61 LUẬT ĐẤT ĐAI 2013					-	-
I.2	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN DO HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CẤP TỈNH CHẤP THUẬN MÀ PHẢI THU HỒI ĐẤT (THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013)	8	2,96		2,96		
1	Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa	1	0,20		0,20	BHK, CLN, RSX	Thị trấn Vĩnh Lộc
2	Xây dựng xuất tuyến đường dây 35kV mạch kép cấp điện cho nhà máy FERROMANGAN Chiêm Hóa mở rộng và cụm công nghiệp An Thịnh, huyện Chiêm Hóa	1	0,38		0,38	LUC, LUK, CLN	Xã Phúc Thịnh
3	Nhà văn hóa thôn Tổng Moọc, xã Yên Lập	1	0,07		0,07	LUC	Xã Yên Lập
4	Nhà văn hóa thôn Khuôn Khương, xã Yên Lập	1	0,06		0,06	LUC	Xã Yên Lập
5	Nhà văn hóa, sân thể thao Bắc Muối, xã Yên Lập	1	0,10		0,10	LUC	Xã Yên Lập
6	Nhà văn hóa, sân thể thao Khuôn Làn, xã Tri Phú	1	0,05		0,05	CLN	Xã Tri Phú
7	Đường nội bộ (đường RD-05) cụm Công nghiệp An Thịnh, huyện Chiêm Hóa	1	0,15		0,15	CLN	Xã Phúc Thịnh
8	Điểm dân cư đường Đồng Luộc - Phúc Hương, thị trấn Vĩnh Lộc (giai đoạn 2)	1	1,95		1,95	LUC, LUK, BHK, CLN, NTS, ODT	Thị trấn Vĩnh Lộc
II	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT (THỰC HIỆN THEO ĐIỀU 73 LUẬT ĐẤT ĐAI 2013) VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ ĐẤT VƯỜN, AO TRONG CÙNG THỪA ĐẤT Ồ SANG ĐẤT Ồ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN	5	12,16		12,16		
II.1	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT (THỰC HIỆN THEO ĐIỀU 73 LUẬT ĐẤT ĐAI 2013)	3	3,26		3,26		

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	2	3	(4)=(5)+(6)	5	6	7	8
1	Đầu tư xây dựng trạm trộn bê tông thương phẩm tại xã Trung Hòa, huyện Chiêm Hóa	1	0,50		0,50	CLN, RSX	Xã Trung Hòa
2	Trang trại chăn nuôi lợn thương phẩm tại xã Nhân Lý, huyện Chiêm Hóa	1	2,26		2,26	LUC, LUK, CLN, RSX	Xã Nhân Lý
3	Công trình phụ trợ khai thác mỏ đá Nà Ngày, xã Trung Hòa	1	0,50		0,50	BHK, HNK, CLN	Xã Trung Hòa
II.2	CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TỪ ĐẤT VƯỜN, AO TRONG CÙNG THỪA ĐẤT Ở SANG ĐẤT Ở TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN	2	8,90		8,90		
1	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở sang đất ở tại nông thôn	1	6,17		6,17	CLN, HNK	Các xã trên địa bàn huyện
2	Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất vườn, ao trong cùng thửa đất ở sang đất ở tại đô thị	1	2,73		2,73	CLN, HNK	Thị trấn Vĩnh Lộc
III	DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIẢI QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỐI VỚI KHU ĐẤT ĐÃ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG	3	0,59		0,59		
1	Điểm dân cư thôn Nà Lừa, xã Trung Hà	1	0,18		0,18	ONT	Xã Trung Hà
2	Khu dân cư Soi Trinh, xã Trung Hoà	1	0,23		0,23	ONT	Xã Trung Hòa
3	Khu dân cư đường Đồng Luộc - Phúc Hương	1	0,18		0,18	ODT	Thị trấn Vĩnh Lộc
IV	CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUÁ 03 NĂM, TIẾP TỤC THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024	13	21,14		21,14		
1	Cây TBA mới để giảm TTĐN cho các TBA có tỷ lệ TTĐN >10% tỉnh Tuyên Quang năm 2019	1	0,01		0,01	LUK	Xã Phú Bình
			0,40		0,40	LUC, CLN, RSX	Xã Bình Phú
			0,16		0,16	LUC, CLN	Xã Hòa An
2	CQT, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Hùng Mỹ, Kiên Đài, Phú Bình và thị trấn Vĩnh Lộc huyện Chiêm Hóa năm 2020	1	0,16		0,16	LUC, CLN	Thị trấn Vĩnh Lộc
			0,20		0,20	LUK, RSX	Xã Hùng Mỹ
			0,20		0,20	LUC, CLN	Xã Phú Bình
			0,20		0,20	LUK, RSX	Xã Kiên Đài
3	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực xã Trung Hà, Xuân Quang, Phúc Sơn, huyện Chiêm Hóa năm 2020	1	0,35		0,35	LUC, CLN, RSX	Xã Trung Hà
			0,30		0,30	LUC, CLN, RSX	Xã Xuân Quang
4	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng lưới điện khu vực huyện Chiêm Hóa bổ sung năm 2020	1	0,20		0,20	LUK, RSX	Xã Kiên Đài
			0,20		0,20	LUC, CLN	Xã Xuân Quang
			0,20		0,20	LUC, BHK	Xã Yên Nguyên
			0,20		0,20	LUC, CLN	Xã Vinh Quang
			0,20		0,20	LUC, CLN	Thị trấn Vĩnh Lộc
5	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng các trạm biến áp có tổn thất lớn hơn 10% và nâng cao chất lượng điện áp khu vực xã Yên Lập, xã Vinh Quang và xã Yên Nguyên huyện Chiêm Hóa năm 2021	1	0,80		0,80	LUC, LUK, HNK, CLN, RSX	Xã Yên Lập
			0,90		0,90	LUC, LUK, HNK, CLN, RSX	Xã Vinh Quang
6	Xây dựng mạch vòng đường dây 35Kv lộ 371 E14.2 khu vực Chiêm Hóa với đường dây 35kV lộ 373 E14.1 huyện Yên Sơn năm 2021	1	0,85		0,85	LUC, LUK, CLN, RSX	Xã Linh Phú

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	2	3	(4)=(5)+(6)	5	6	7	8
7	Khu đô thị mới tại tổ Vĩnh Thịnh, thị trấn Vĩnh Lộc	1	9,88		9,88	LUC, LUK, BHK, CLN, RSX, NTS, ODT, DGT, DTL, BCS	Thị trấn Vĩnh Lộc
8	Điểm dân cư thôn Kim Quang, xã Kim Bình	1	1,87		1,87	BHK, CLN	Xã Kim Bình
9	Điểm dân cư thôn Phúc Tâm, xã Phúc Thịnh (giáp đường vào Tân Thịnh)	1	2,86		2,86	LUC, CLN	Xã Phúc Thịnh
10	Xây dựng cơ sở vật chất trường THCS Trung Hòa (giai đoạn 1)	1	0,50		0,50	CLN, RSX	Xã Trung Hòa
11	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng và nâng cao chất lượng điện áp khu vực thị trấn Vĩnh Lộc, xã Vĩnh Quang, xã Kim Bình, xã Tân An, huyện Chiêm Hóa năm 2021	1	0,03		0,03	LUC, CLN	Vĩnh Lộc
			0,03		0,03		Vĩnh Quang
			0,06		0,06		Kim Bình
			0,03		0,03		Tân An
12	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng và nâng cao chất lượng điện áp khu vực các xã Trung Hòa, Tân Thịnh, Phúc Thịnh, Tân Mỹ, Ngọc Hội huyện Chiêm Hóa năm 2021	1	0,03		0,03	LUC, CLN	Trung Hòa
			0,02		0,02		Tân Thịnh
			0,01		0,01		Phúc Thịnh
			0,01		0,01		Tân Mỹ
			0,02		0,02		Ngọc Hội
13	Chống quá tải, giảm tổn thất điện năng và nâng cao chất lượng điện áp khu vực các xã Tân An, Xuân Quang, Trung Hà, Minh Quang và xã Kiên Đài, huyện Chiêm Hóa năm 2022	1	0,08		0,08	LUC, CLN	Tân An
			0,09		0,09		Xuân Quang
			0,09		0,09		Trung Hà
V	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THU HỒI ĐẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3 ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI NĂM 2013 CÓ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DIỆN TÍCH ĐẤT, ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN (Thực hiện theo điểm c Khoản 3 Điều 7 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 (sửa đổi, bổ sung tại Khoản 3 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020; việc điều chỉnh không làm thay đổi chỉ tiêu sử dụng đất đã được phê duyệt); HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 07/12/2023	2	0,49		0,49		
1	CQT, giảm TTĐN lưới điện khu vực thị trấn Vĩnh Lộc, xã Xuân Quang, xã Ngọc Hội, huyện Chiêm Hóa bổ sung năm 2023	1	0,07		0,07	LUC, LUK, BHK, CLN	Thị trấn Vĩnh Lộc
			0,05		0,05	LUC, LUK, BHK, CLN	Xã Xuân Quang
			0,10		0,10	LUC, CLN, RSX	Xã Ngọc Hội
			0,04		0,04	LUK, BHK, CLN, RSX	Xã Yên Nguyên

STT	Hạng Mục	Tổng số công trình, dự án	Diện tích kế hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Tăng thêm		Địa điểm
					Diện tích (ha)	Sử dụng vào loại đất	
1	2	3	(4)=(5)+(6)	5	6	7	8
2	CQT, giảm TTĐN lưới điện khu vực các xã Yên Nguyên, Hòa Phú, Bình Nhân, Hòa An, huyện Chiêm Hóa bổ sung năm 2023	1	0,11		0,11	LUC, LUK, BHK, CLN, RSX	Xã Hòa Phú
			0,07		0,07	LUC, LUK, BHK, CLN	Xã Bình Nhân
			0,05		0,05	LUC, BHK, CLN, RSX	Xã Hòa An